

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 20/5/2026

V/v: *Ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vàng A Lù;

2. Bà Hoàng Thị Hồng Phóng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Bá Đạt - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2026 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1986. Số định danh cá nhân: 015186002113; Địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lù Văn H, sinh năm 1990. Số định danh cá nhân: 015090002643; Nơi ĐKTT: Thôn C, xã N, tỉnh Lào Cai. Hiện đang là học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 01, tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: Thôn L, xã X, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị Hà Thị T trình bày: Chị Hà Thị T và anh Lù Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/02/2023 tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái nay là UBND xã N, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn chị T và anh H chung sống thôn C, xã N, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lù Văn H nghiện ma túy và bạo lực. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau

nữa. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lù Văn H.

Về con chung: Chị T và anh H không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Lù Văn H trình bày: Việc kết hôn và quá trình chung sống, giữa anh H và chị Hà Thị Thanh Đ như những gì chị T đã trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H nghiện ma túy nên hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ cuối năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay anh H đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 01, tỉnh Lào Cai. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H và chị T không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Lù Văn H; Về con chung: Chị Hà Thị T và anh Lù Văn H không có con chung; Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lù Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã N, tỉnh Lào Cai nên vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Hà Thị T và anh Lù Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Lù Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/02/2023 tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái nay là UBND xã N, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị T cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lù Văn H nghiện ma túy và bạo lực. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh Lù Văn H cũng thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như chị T trình bày, nguyên nhân do anh H nghiện ma túy. Chị T đề nghị ly hôn thì anh H đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau và đã có thời gian dài sống ly thân thể hiện tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Hà Thị T và anh Lù Văn H không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Lù Văn H.

2. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã

nộp tại Biên lai ký hiệu: BLTU/26E số 0000777 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, chị T đã nộp đủ án phí.

2. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T và anh Lù Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
 - VKSND khu vực 4 - Lào Cai;
 - Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Lào Cai;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Nậm Cỏ;
- (Số ĐKKH 17/2023 ngày 28/02/2023)
- Lưu HS.

Trần Thành Long